

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST

Ngày: 13-3 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thu Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự

Ông Trịnh Quý Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Biền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 198/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Văn N, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1989 tại **H, Cao Bằng**.

Nơi ĐKKH thường trú: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1965 và bà **Hoàng Thị Á**, sinh năm 1965; Vợ: **Hoàng Thị H**, sinh năm 1989 và 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/9/2017 Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt 25.000.000đ,00 về tội Đánh bạc.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2023 đến 04/10/2023, được thay thế biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Hoàng Thị Á**, sinh ngày 07/3/1965. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt
2. **Hoàng Văn Đ**, sinh ngày 12/4/1965. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt
3. **Hoàng Thị H**, sinh ngày 09/5/1989. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Có mặt.
- 4 **Hoàng Văn T**, sinh ngày 14/11/1990. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
5. **Hà Thị Phan P**, sinh ngày 12/4/1990. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
6. **Phương Thị N1**, sinh ngày 22/02/1960. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
7. **Hoàng Quang H1**, sinh ngày 08/3/1984. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
8. **Lương Thị H2**, sinh ngày 18/7/1991. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
9. **Phương Thị T1**, sinh ngày 22/10/1958. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
10. **Lưu Kim P1**, sinh ngày 04/10/1989. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
11. **Phương Thế H3**, sinh ngày 05/6/1967. Địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
12. **Trịnh Văn C**, sinh ngày 27/02/1965. Địa chỉ: **D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
13. **Phương Thị T2**, sinh ngày 10/8/1965. Địa chỉ: **D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
14. **Trịnh Trung K**, sinh ngày 09/9/1990. Địa chỉ: **D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
15. **Hoàng Thị X**, sinh ngày 03/3/1989. Địa chỉ: **D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
16. **Đinh Thị H4**, sinh ngày 16/6/1972. Địa chỉ: **Phố B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.

17. **Bé Thị Y**, sinh ngày 14/5/1970. Địa chỉ: **Phố B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
18. **Lương Văn C1**, sinh ngày 13/8/1973. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
19. **Trương Thị H5**, sinh ngày 29/9/1984. Địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
20. **Hoàng Anh M**, sinh ngày 05/10/2003. Địa chỉ: **Phố B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
21. **Hoàng Anh D**, sinh ngày 22/5/1999. Địa chỉ: **Phố B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
22. **Đặng Văn C2**, sinh ngày 06/3/1984. Địa chỉ: **Bản S, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
23. **Lưu Bảo T3**, sinh ngày 22/10/1992. Địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
24. **Phương Văn L**, sinh ngày 24/10/1979. Địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
25. **Nông Thị N2**, sinh ngày 27/4/1980. Địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
26. **Phương Thị Q**, sinh ngày 04/01/1976. Địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
27. **Phương Thị V**, sinh ngày 10/10/1961. Địa chỉ: **T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
28. **Hoàng Thị T4**, sinh ngày 07/4/1963. Địa chỉ: **xóm B B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
29. **Hoàng Thị X1**, sinh ngày 15/8/1966. Địa chỉ: **xóm C B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
30. **Bé Thị Mai H6**, sinh ngày 07/7/1967. Địa chỉ: **xóm C B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
31. **Phan Văn T5**, sinh ngày 28/3/1974. Địa chỉ: **T, Hồng V1, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
32. **Nông Trọng T6**, sinh ngày 10/12/1975. Địa chỉ: **T, Hồng V1, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.

33. Ban Thị T7, sinh ngày 01/5/1979. Địa chỉ: T, Hồng V1, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
34. Nông Thị Minh T8, sinh ngày 15/9/1999. Địa chỉ: T, Hồng V1, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
35. Hoàng Văn T9, sinh ngày 01/10/1984. Địa chỉ: xóm M, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
36. Bé Thị B, sinh ngày 11/10/1985. Địa chỉ: P, Hồng V1, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
37. Bé Thị B1, sinh ngày 27/02/1991. Địa chỉ: P, Hồng V1, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
38. La Thị N3, sinh ngày 05/6/1966. Địa chỉ: Tổ E, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
39. Lôi Văn H7, sinh ngày 20/7/1979. Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
40. Lưu Thị Mai C3, sinh ngày 10/4/1984. Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
41. Nguyễn Ích L1, sinh ngày 03/4/1987. Địa chỉ: N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
42. Lương Thị T10, sinh ngày 18/8/1986. Địa chỉ: N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
43. Nông Thị L2, sinh ngày 12/8/1978. Địa chỉ: xóm Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
44. Hoàng Văn N4, sinh ngày 13/11/1991. Địa chỉ: Phố C, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
45. Lương Thị P2, sinh ngày 03/4/1975. Địa chỉ: Tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
46. Mông Thị D1, sinh ngày 09/11/1989. Địa chỉ: Bản T - L, Hạng P3, Q, Tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
47. Mông Thị N5, sinh ngày 25/01/1988. Địa chỉ: N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.
48. Lương Văn H8, sinh ngày 17/8/1964. Địa chỉ: N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

49. **Đào Thị D2**, sinh ngày 15/7/1965. Địa chỉ: **N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
50. **Lương Chí H9**, sinh ngày 08/4/1996. Địa chỉ: **N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
51. **Đào Thị V2**, sinh ngày 11/6/1990. Địa chỉ: **Hồ N, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
52. **Hoàng Thị B2**, sinh ngày 03/9/1987. Địa chỉ: **C, xã S, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
53. **Lưu Cẩm D3**, sinh ngày 04/9/1986. Địa chỉ: **C, xã S, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Vắng mặt.
54. **Hoàng Văn C4**, sinh ngày 06/9/1973. Địa chỉ: **Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
55. **Lường Thị P4**, sinh ngày 23/9/1972. Địa chỉ: **Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
56. **Hoàng Văn T11**, sinh ngày 21/7/1982. Địa chỉ: **Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
57. **Hoàng Thị P5**, sinh ngày 23/02/1984. Địa chỉ: **Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
58. **Nguyễn Thị Bích N6**, sinh ngày 24/02/1965. Địa chỉ: **Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
59. **Lý Văn T12**, sinh ngày 14/01/1989. Địa chỉ: **Tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
60. **Nguyễn Đức H10**, sinh ngày 10/9/1976. Địa chỉ: **Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
61. **Bế Thị Q1**, sinh ngày 12/02/1974. Địa chỉ: **N, TT. P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt.
62. **Nguyễn Minh V3**, sinh ngày 10/6/1990. Địa chỉ: **Tổ D, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Vắng mặt.
63. **Nguyễn Văn V4**, sinh ngày 12/4/1995. Địa chỉ: **Tổ D, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng đầu tháng 5/2022, **Vũ Bích N7** (sinh năm 1988, hiện đang sinh sống làm việc ở **P** (là con gái của bà **Phương Thị V**, sinh năm 1961; trú tại: **phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**; bà **V** là em gái ruột của mẹ vợ **N**); qua ứng dụng **T13**, **N7** sử dụng tài khoản tên “Sophia Vu” liên lạc với tài khoản “Cop Con” được đăng ký bằng số điện thoại 0824600886 của **Hoàng Văn N**. Qua quá trình nói chuyện, **N7** đề nghị **N** mở cho **N7** 03 tài khoản ngân hàng, **N7** sẽ trả tiền thuê tài khoản là 100 USD/tài khoản/tháng tương đương với số tiền 2.300.000đ (*hai triệu ba trăm nghìn đồng/tài khoản/tháng*). Khi được **N** đồng ý, **N7** hướng dẫn **N** mua sim điện thoại đăng ký thuê bao chính chủ rồi đến đăng ký mở tài khoản tại các **ngân hàng T15, V5, M3**; **N** mua 03 sim điện thoại chính chủ rồi xuống **thành phố T** (vì ở tỉnh **Cao Bằng** *không có những ngân hàng này*) để đăng ký mở thành công tài khoản tại 03 ngân hàng nêu trên. Sau đó, **N** gửi thông tin gồm: số tài khoản, số điện thoại đăng ký tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng **M1** (*ứng dụng dùng để thực hiện các giao dịch online trực tuyến của ngân hàng*) và ảnh chụp căn cước công dân của **N** cho **N7** qua tin nhắn Telegram. Khi **N7** đăng nhập ứng dụng Mobilebanking thì hệ thống ngân hàng sẽ gửi mã OTP (*mã xác thực*) về số điện thoại đã dùng để đăng ký tài khoản, **N** sẽ lắp sim vào điện thoại để đợi nhận mã OTP, sau khi nhận được **N** gửi mã này lại cho **N7** qua tin nhắn **T13** để **N7** kích hoạt sử dụng tài khoản và từ đó **N7** sẽ sử dụng các tài khoản của **N**. Sau khi mượn được tài khoản, **N7** sử dụng tài khoản ngân hàng tên **Phương Thị V** chuyển tiền thuê tài khoản ngân hàng vào tài khoản của **N** số 33010000086096 mở tại **ngân hàng B3 chi nhánh H13, tỉnh Cao Bằng**.

Đến khoảng tháng 6 năm 2022, **N7** tiếp tục đề nghị **N** tìm những người khác mở thêm tài khoản ngân hàng để cho **N7** thuê, **N** đồng ý và đã đề nghị bố mẹ đẻ, vợ, em trai, em dâu của **N** mua sim điện thoại đăng ký thuê bao chính chủ mở tài khoản tại 03 **ngân hàng T15, V5, M3**. Khi người nhà mở tài khoản và cho **N** mượn, thì **N** cung cấp thông tin tài khoản cho **N7** qua Telegram theo cách thức như trên, **N** giữ lại các thẻ ngân hàng và sim điện thoại dùng để đăng ký mở tài khoản mà người nhà **N** đã cho mượn.

Thấy **N7** trả tiền đúng theo thỏa thuận, nên **N** tiếp tục thuê, mượn tài khoản ngân hàng đã có sẵn của người khác hoặc đi nhờ họ hàng, bạn bè, người quen biết tại tỉnh **Cao Bằng** và tỉnh **Bắc Kạn** mở tài khoản để cho **N** thuê với số tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng hoặc mua lại với giá 2.000.000 đồng/01 tài khoản. Khi các cá nhân đồng ý, **N** mua sim điện thoại các mạng Vinaphone, **M2, V6**, để cho các cá nhân đăng ký sim chính chủ hoặc cho họ tự đi mua sim để đăng ký thuê bao chính chủ, rồi sau đó **N** trực tiếp đưa đến **thành phố**

T, tỉnh Thái Nguyên hoặc hướng dẫn để cho các cá nhân tự đi mở tài khoản tại tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Lạng Sơn; các cá nhân này sử dụng căn cước công dân của họ và số điện thoại đã đăng ký chính chủ trước đó để đăng ký mở tài khoản tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần V7 (sau đây gọi tắt là V8), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2 (sau đây gọi tắt là M3), Ngân hàng thương mại cổ phần N9 (sau đây gọi tắt là V5), Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (sau đây gọi tắt là T15), Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là S1), Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là B3), Ngân hàng Thương mại Cổ phần C6 (sau đây gọi tắt là V9), Ngân hàng thương mại cổ phần Á1 (sau đây gọi tắt là A).... Sau khi đăng ký tài khoản thành công, N yêu cầu chủ tài khoản đưa lại cho N thông tin tài khoản, sim điện thoại đăng ký tài khoản, mật khẩu đăng nhập Mobilebanking, thẻ ATM (nếu có) để đề phòng chủ tài khoản tự ý rút tiền trong tài khoản. Sau đó, tương tự như cách thức ở trên N cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng của những người N đã thu thập được cho N7 qua ứng dụng Telegram. Đối với những tài khoản N cung cấp, tài khoản nào được sử dụng thì N7 sẽ tính tiền thuê tài khoản trong tháng đó để chuyển tiền trả cho N. Số tiền hưởng lợi, hàng tháng N7 chuyển cho N thông qua tài khoản mang tên Phương Thị V (B3, V8), đến số tài khoản 33010000086096 của N mở tại ngân hàng B3 chi nhánh tỉnh C.

Quá trình thực hiện hành vi nêu trên, bản thân bị cáo Hoàng Văn N đã tự mở và cho N7 thuê 07 tài khoản tại các ngân hàng T15, V9, V5, S1, A và 02 tài khoản ngân hàng V8. Ngoài ra, Hoàng Văn N đã có hành vi thu thập 205 tài khoản của 63 người khác rồi cung cấp cho N7; cụ thể như sau:

(1) Hoàng Thị Á (mẹ đẻ của bị cáo): 03 tài khoản, gồm: V9, T15, M3. Bà Á không được hưởng lợi gì.

Hiện nay, tài khoản M3 có số tài khoản 19038702977019 còn số dư là 100.009.646đ (một trăm triệu không trăm linh chín nghìn sáu trăm bốn sáu đồng).

(2) Hoàng Văn Đ (bố đẻ của bị cáo): mở 06 tài khoản, gồm: B3, T15, V5, M3, V9, V8. Ông Đ không được hưởng lợi gì.

Hiện nay, tài khoản V8 có số tài khoản 0867783033 còn số dư là 1.143.531.329đ (một tỉ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn ba trăm hai chín đồng). Tài khoản V9 có số tài khoản 109875934945 còn số dư là 72.614.270đ (bảy hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

(3) Hoàng Thị H (vợ của bị cáo): mở 05 tài khoản, gồm: V9, M3, V5, T15, V8. H không được hưởng lợi gì.

(4) **Hoàng Văn T** (em trai của bị cáo): mở 04 tài khoản, gồm: **M3, T15, V9, B3**. **T** không được hưởng lợi gì.

(5) **Hà Thị Phan P** (em dâu của bị cáo): mở 05 tài khoản, gồm: **M3, T15, V8, V5, V9**. **P** không được hưởng lợi gì.

(6) **Phương Thị N1** (mẹ vợ của bị cáo): mở 02 tài khoản, gồm: **B3, V9**. Bà **N8** không được hưởng lợi gì.

(7) **Hoàng Quang H1** (anh vợ của bị can): mở 07 tài khoản, gồm: **V9, M3, V5, V8, S1, A**. **H1** không được hưởng lợi gì.

(8) **Lương Thị H2** (vợ của **Hoàng Quang H1**): mở 07 tài khoản, gồm: **B3, V9, A, M3, V8**, 02 tài khoản **V5**. Huế không được hưởng lợi gì.

Hiện nay, tài khoản **V5** có số tài khoản 1031177937 còn số dư là 1.980.892đ (một triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm chín hai đồng).

(9) **Phương Thị T1**, mở 05 tài khoản, gồm: **B3, V9, V8, S1, A**. Số tiền thuê tài khoản của bà **T1** được **N** chuyển khoản vào tài khoản **B3** của **Lưu Kim P1**.

(10) **Lưu Kim P1** (con gái của bà **Phương Thị T1**): mở 05 tài khoản, gồm: **V9, A, M3, V5, S1**.

N chuyển tiền thuê tài khoản chung của **P1** và bà **Phương Thị T1** (mẹ đẻ của **P1**) vào tài khoản **B3** của **Lưu Kim P1**, tổng số tiền là 58.940.000đ (năm mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền này **P1** và mẹ sử dụng chung đến nay đã hết.

(11) **Phương Thế H3**, mở 03 tài khoản, gồm: **B3, V5, S1**, được **N** chuyển khoản tiền thuê tài khoản đến số tài khoản **A1** của **Phương Thế H3**, tổng số tiền là 33.800.000đ (ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Đến nay ông **H3** đã sử dụng hết.

(12) **Trịnh Văn C**, mở 04 tài khoản, gồm: **B3, V9, V5, A**. **T10** lợi bất chính: ông **C** được **N** trả công số tiền mặt 1.000.000đ (một triệu đồng), về số tiền thuê tài khoản hàng tháng của ông **C** được **N** chuyển khoản vào tài khoản **A1** của **Trịnh Trung K** (con trai ông của ông **C**).

Hiện nay, tài khoản **B3** có số tài khoản 33010000775701, còn số dư là: 545.343.285đ (năm trăm bốn năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi năm đồng).

(13) **Phương Thị T2**, mở 02 tài khoản, gồm: **B3, V9**, được **N** đưa cho số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

(14) **Trịnh Trung K**, (con trai của ông **Trịnh Văn C** và bà **Phương Thị T2**): mở 04 tài khoản, gồm: **B3**, **V9**, **M3**, **T15**. **T10** lợi bất chính: **N** chuyển tiền thuê tài khoản tháng 6, 7, 8, 9, 11, 12/2022 và tháng 1, 2, 3, 4/2023 của **Trịnh Văn C**, **Trịnh Trung K** và vợ của **K** là **Hoàng Thị X** vào tài khoản **A1** 8308205061110 của **Trịnh Trung K** tổng số tiền là 104.240.000đ (một trăm linh tư triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền này **K** đã sử dụng chung để chi tiêu trong gia đình.

(15) **Hoàng Thị X**, (vợ của **Trịnh Trung K**): mở 05 tài khoản được **N** trả cho số tiền mặt 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và hàng tháng **N** chuyển khoản tiền thuê tài khoản vào tài khoản **A1** của **Trịnh Trung K**.

Hiện nay, tài khoản **B3** có số tài khoản 33010000663471 còn số dư là 10.372.719đ (mười triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng).

(16) **Đinh Thị H4**, mở 04 tài khoản, gồm: **V9**, **M3**, **T15**, **V5**, được **N** trả cho số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

(17) **Bế Thị Y**, mở 02 tài khoản, gồm: **T15**, **V9**, được **N** trả cho số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

(18) **Lương Văn C1**, mở 01 tài khoản **M3**, được **N** trả công số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

(19) **Trương Thị H5**: mở 05 tài khoản, gồm: 02 tài khoản **M3**, 02 tài khoản **V8**, 01 tài khoản **S1**, được **N** trả số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

(20) **Hoàng Anh M**, mở 03 tài khoản, gồm: **T15** **V8**, **V5**, được **N** trả số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

(21) **Hoàng Anh D**, mở 01 tài khoản **V5**, không được hưởng lợi gì.

(22) **Đặng Văn C2**, mở 03 tài khoản, gồm: **B3**, **V5**, **A**, được **N** trả cho số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

(23) **Lưu Bảo T3**, mở 05 tài khoản, gồm: **V5**, **T15**, **M4**, **A**, **V8**, được **N** trả số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

(24) **Phương Văn L**, mở 09 tài khoản, gồm: **B3**, **V9**, **V8**, **T15**, **S1**, **V5**, **A**, 02 tài khoản **M3**. **N** chuyển khoản trả chung số tiền thuê tài khoản của vợ chồng **Phương Văn L** và **Nông Thị N2**, vợ chồng **Nông Trọng T6** và **Ban Thị T7** và **Nông Thị Minh T8**, **Nông Thị L2** vào số tài khoản **A1** của **Phương Văn L**, tổng số tiền là 60.873.000đ (sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). **Phương Văn L** chưa đưa tiền thuê tài khoản lại cho những người trên mà đã sử dụng hết.

(25) **Nông Thị N2**, mở 05 tài khoản, gồm: **B3**, **V9**, **M3**, **S1**, **T15**, được **N** trả cho chi phí đi mở tài khoản là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn tiền thuê tài khoản được **N** chuyển khoản chung vào số tài khoản **A1** của **Phương Văn L.**

(26) **Phường Thị Q**, mở 04 tài khoản, gồm: **V5**, **T15**, 02 tài khoản **M3**, được **N** trả cho số tiền công 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

(27) **Phường Thị V**, mở 01 tài khoản **V8**, không được hưởng lợi gì.

Ngoài ra, bà **V** cho **Vũ Bích N7** (con gái bà **V**) sử dụng 03 tài khoản: **S1**, **B3**, **V5**. Tuy nhiên **N7** sử dụng những tài khoản này vào việc gì thì bà **V** không biết.

(28) **Hoàng Thị T4**, mở 04 tài khoản, gồm: **V9**, **S1**, **A**, **V8**, được **N** mua lại với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

(29) **Hoàng Thị X1**, mở 02 tài khoản, gồm: **T15**, **V5**, được **N** trả tiền công số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

(30) **Bế Thị Mai H6**, mở 01 tài khoản **ngân hàng A1**, được **N** cho một bình gas và một bếp gas trị giá 1.000.000đ (một triệu đồng).

(31) **Phan Văn T5**, mở 05 tài khoản, gồm: **V5**, **A**, **V8**, 02 tài khoản **M3**, không được hưởng gì.

(32) **Nông Trọng T6**, mở 01 tài khoản **S1**, được **N** trả cho số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

(33) **Ban Thị T7**, mở 02 tài khoản **M3**, được **N** trả cho số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

(34) **Nông Thị Minh T8**, mở 04 tài khoản, gồm: 02 tài khoản **V8**, **T15**, **V5**, được **N** trả cho số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Hiện nay, tài khoản **V5** có số tài khoản là 0836894670 còn số dư là 49.798.929đ (bốn chín triệu bảy trăm chín tám nghìn chín trăm hai chín đồng).

(35) **Hoàng Văn T9**, mở 03 tài khoản, gồm: **V5**, **T15**, không được hưởng gì.

(36) **Bế Thị B**, mở 02 tài khoản, gồm: **V9**, **V5**. **N** chuyển khoản tiền thuê tài khoản vào số tài khoản **ngân hàng A1** 8308205025231 của vợ chồng chị **B** tổng số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng).

(37) **Bế Thị B1**, mở 02 tài khoản, gồm: **V9**, **B3**, được **N** trả số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Hiện nay, tài khoản **B3** có số tài khoản 33010000776209 còn số dư là 71.570.551đ (bảy mươi một triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi một đồng).

(38) **La Thị N3**, mở 01 tài khoản, được **N** trả cho số tiền 2.500.000đ (hai triệu trăm năm trăm nghìn đồng).

(39) **Lôi Văn H7**, mở 03 tài khoản, gồm: **B3**, **V8**, **V9**, không được hưởng gì.

(40) **Lưu Thị Mai C3**, mở 05 tài khoản, gồm: **T15**, **V5**, **A**, **B3**, **M3**, được hưởng lợi số tiền 85.722.000đ (tám mươi năm triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

(41) **Nguyễn Ích L1**, mở 03 tài khoản, gồm: **S1**, **T15**, **V5**. **L1** chưa được hưởng lợi gì.

(42) **Lương Thị T10**, mở 02 tài khoản, gồm: **T15**, **V8**. **T10** chưa được hưởng lợi gì.

(43) **Nông Thị L2**, mở 02 tài khoản, gồm: **V9**, **S1**, được **N** trả cho số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

(44) **Hoàng Văn N4**, mở 03 tài khoản, gồm: **T15**, **V5**, **S1**, được **N** trả cho số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

(45) **Lương Thị P2**, mở 02 tài khoản, gồm: **V5**, **T15**, chưa được hưởng lợi gì.

(46) **Mông Thị D1**, mở 03 tài khoản, gồm: **T15**, **S1**, chưa được hưởng lợi gì.

(47) **Mông Thị N5**, mở 02 tài khoản, gồm: **T15**, **V8**, chưa được hưởng lợi gì.

(48) **Lương Văn H8**, mở 02 tài khoản, gồm: **B3**, **V9**, không được hưởng lợi gì.

Hiện nay, tài khoản **ngân hàng B3** có số tài khoản 33010000778302 còn số dư là 343.092.241đ (ba trăm bốn ba triệu không trăm chín hai nghìn hai trăm bốn một đồng).

(49) **Đào Thị D2**, mở 02 tài khoản, gồm: **B3**, **V9**, không được hưởng lợi gì.

Hiện nay, tài khoản **ngân hàng V9** có số tài khoản 107877024723, còn số dư là 2.099.754đ (hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng).

(50) **Lương Chí H9**, mở 03 tài khoản, gồm: **A**, **S1**, **V9**, không được hưởng lợi gì.

(51) **Đào Thị V2**, mở 04 tài khoản, gồm: 02 tài khoản **V5**, **V8**, **T15**, không được hưởng lợi gì.

(52) **Hoàng Thị B2**, mở 03 tài khoản, gồm: **V9**, **V5**, **M3**, được **N** trả cho số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

(53) **Lưu Cẩm D3**, mở 03 tài khoản gồm: **B3**. Được hưởng lợi số tiền 72.974.000đ (bảy mươi năm triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

(54) **Hoàng Văn C4**, mở 01 tài khoản **V9**, được trả cho số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

(55) **Lương Thị P4**, mở 03 tài khoản, gồm: **V9**, **V5**, **S1**, được **N** trả cho số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

(56) **Hoàng Văn T11**, mở 05 tài khoản, gồm: **B3**, **V5**, **M3**, **A**, **S1**, được **Hoàng Văn N** trả công cho số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

(57) **Hoàng Thị P5**, mở 03 tài khoản, gồm: **B3**, **V5**, **M3**, được **N** trả công cho số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

(58) **Nguyễn Thị Bích N6**, mở 03 tài khoản, gồm: **V9**, **M3**, **V5**, được **N** trả cho số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

(59) **Lý Văn T12**, mở 03 tài khoản, gồm: **V9**, **M3**, **V5**, được **N** trả cho số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

(60) **Nguyễn Đức H10**, mở 02 tài khoản ngân hàng **M3**, không được hưởng lợi gì.

(61) **Bế Thị Q1**, mở 02 tài khoản, gồm: **V5**, **V8**, không được hưởng lợi gì.

(62) **Nguyễn Minh V3**, mở 02 tài khoản, gồm: **V5**, **T15**. Được hưởng lợi số tiền 17.800.000đ (mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Hiện nay, tài khoản **ngân hàng V9** có số tài khoản 9876539492, còn số dư là 15.545.057đ (mười năm triệu năm trăm bốn năm nghìn không trăm năm bảy đồng).

(63) **Nguyễn Văn V4**, mở 02 tài khoản, gồm: **V8**, **T15**, không được hưởng lợi gì.

Như vậy, đến thời điểm bị phát hiện **N** đã tự mở 07 tài khoản, thu thập 205 tài khoản để cung cấp cho **Vũ Bích N7**, thu lợi bất chính với số tiền 508.178.616 đồng.

Bản Cáo trạng số 140/CT-VKSCB-P1 ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo **Hoàng Văn N** về tội “*Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*” theo điểm a, b khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Hoàng Văn N** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố và cho rằng mình bị đưa ra xét xử là đúng, không oan sai. Bị cáo khai do thiếu hiểu biết về các quy định của pháp luật

Việt Nam đối với lĩnh vực ngân hàng, vì vậy **Hoàng Văn N** cho rằng việc cho thuê tài khoản không vi phạm pháp luật, bên cạnh đó vì cần tiền trả các khoản nợ do làm ăn trong mấy năm dịch **C5** và thấy **N7** chuyên tiền sòng phẳng, nên bị cáo đã vận động, rủ rê người thân trong gia đình, bạn bè, họ hàng, người quen cho mượn hoặc bán đứt tài khoản để bị cáo cho **N7** thuê với mục đích trục lợi. Để tích cực khắc phục hậu quả, bị cáo đề nghị dùng số tiền 123.785.000đồng do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét nhà đối trừ vào khoản tiền bị cáo sẽ phải truy thu.

62 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (*trừ bà **Hoàng Thị H** là vợ của bị cáo*) đều có đơn xin vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Hoàng Thị H** khai: Chị không được biết việc **N** và **N7** có trao đổi với nhau về việc thuê tài khoản ngân hàng; đối với số tiền được hưởng lợi bất chính, **N** dùng chi tiêu trong gia đình và trả tiền hàng, chị không được **N** thông báo và cũng không được cầm để chi dùng. Tại phiên tòa, chị đề nghị được trả lại chiếc điện thoại Iphone 12 màu xanh đen có số sim 0915 707 913 và 4 sổ tiết kiệm mang tên chị, nhưng thực chất là tiền mừng tuổi hàng năm của các con. Đối với số tiền hơn 123.785.000đồng do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi khám xét nhà và 100.000.000đ,00 do chị nộp để bảo lãnh cho **N** được tại ngoại, chị nhất trí đối trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà **N** phải truy thu. Những tài sản đồ vật khác, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng và quyết định đã truy tố. Mặc dù bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng lại không lường được hậu quả xảy ra, **Hoàng Văn N** phạm tội có tính chất đơn lẻ và có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo **Hoàng Văn N** từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng về tội “*Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay; Qua xem xét Bản tường trình; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận: Khi được đối tượng Vũ Bích N7 (hiện đang sinh sống tại P) trao đổi về việc thuê tài khoản ngân hàng, từ tháng 5/2022 Hoàng Văn N đã tự mở và nhờ người thân, bạn bè mở tài khoản để cho N7 thuê.

Tính đến ngày 12/5/2023, N đã có hành vi trao đổi thông tin về 81 tài khoản ngân hàng với 25 đối tượng là người thân trong gia đình, bạn bè, họ hàng; đối với những người này, N không trả tiền, mà gửi luôn số tài khoản cho N7 thuê. Như vậy, có thể kết luận bị cáo đã có hành vi “Thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Cùng với đó, Hoàng Văn N đã dùng tiền để mua thông tin về 124 tài khoản ngân hàng với 38 đối tượng khác, với giá từ 1.000.000đ,00 đến 2.300.000đ,00 mà không được sự cho phép của các Ngân hàng chủ quản, sau đó chuyển cho Vũ Bích N7 thuê. Hành vi này của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Sau khi có được các thẻ sim, thông tin tài khoản ngân hàng, Hoàng Văn N đã tập hợp tại nhà riêng, sử dụng điện thoại và các thiết bị điện tử khác để cung cấp qua tin nhắn Telegram cho Vũ Bích N7 khi chưa được sự cho phép của ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền, thu lợi bất chính 508.178.616đ,00.

Như vậy, Hoàng Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thu thập, mua bán trái phép thông tin về 205 tài khoản ngân hàng của người khác.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được

bảo vệ về bí mật thông tin của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi trái pháp luật với mục đích trục lợi, che dấu dòng tiền và trốn tránh sự quản lý của cơ quan chức năng.

Xét Điều 291 Bộ luật Hình sự là điều luật quy định ghép nhiều hành vi phạm tội. Bị cáo **Hoàng Văn N** có hành vi thu thập, mua bán trái phép thông tin tài khoản ngân hàng của người khác nên cần xác định **Hoàng Văn N** phạm tội “*Thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 29/9/2017 Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 25.000.000đ,00 về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 28/2017/HSST. Ngày 27/3/2018, **Hoàng Văn N** đã thi hành xong. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tính đến thời điểm phạm tội mới, bị cáo đương nhiên được xoá án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo **Hoàng Văn N** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tích cực tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000 đồng đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng để đảm bảo cho việc thi hành án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, tuy nhiên căn cứ theo quy định thì có thể áp dụng mức hình phạt dưới 3 năm tù; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có khả năng tự cải tạo nên có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và các hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán nhân dân tối cao, Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát và giáo dục trong

thời gian thử thách cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung và thể hiện được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội thực sự ăn năn, hối cải, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên phát biểu và đề nghị của bị cáo tại lời nói sau cùng là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4]. Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 291, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về khoản tiền đặt tiền để bảo đảm: Tại giai đoạn điều tra vợ bị cáo là **Hoàng Thị H** nộp 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), là khoản tiền đặt để bảo đảm cho bị cáo, nay xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, do vậy số tiền này cần được trả lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà **H** đề nghị được tự nguyện để lại số tiền trên đảm bảo việc thi hành án của **Hoàng Văn N**; do vậy, cần tạm giữ số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án.

[6]. Việc xử lý vật chứng liên quan đến vụ án:

- Số tiền 508.178.616đ của bị cáo **Hoàng Văn N** là do thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Hiện tại vợ bị cáo là chị **Hoàng Thị H** đã nộp 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và chị **Hoàng Thị H** nhất trí dùng số tiền 123.785.000đ thu giữ tại nhà của bị cáo để đối trừ số tiền thu lợi bất chính cho bị cáo. - Đối với đồ vật được bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước. Các tài liệu, đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội cần được trả lại cho chủ sở hữu. - Đối với các tài khoản ngân hàng do bị cáo và người khác đã mở, sau đó bị cáo đã cho thuê tài khoản ngân hàng là vi phạm quy định về việc mở, quản lý, sử dụng tài khoản ngân hàng. Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định số tiền trong tài khoản ngân hàng không thuộc sở hữu của mình, vì vậy, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền còn lại trong 12 tài khoản ngân hàng đã bị **Hoàng Văn N** cho thuê, sau đó yêu cầu các ngân hàng thực hiện việc thu hồi, đóng tài khoản.

[7]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo **Hoàng Văn N** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với những người có hành vi cho thuê, mượn tài khoản: căn cứ kết quả

điều tra xác định những người này không có hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác mà bản thân những trường hợp này tự mở tài khoản để cho **N** thuê lại, được **N** trả tiền thuê tài khoản hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của mình, trong đó gồm có tiền thuê tài khoản của những người khác trong gia đình. Bản thân những người trong gia đình của những người nêu trên đều khai nhận tự đi mở tài khoản theo đề nghị của **N**. Vì vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp này theo quy định tại Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Ngày 13/11/2023, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị **Công an tỉnh C** xử phạt vi phạm hành chính đối với 63 trường hợp nêu trên, số tiền phạt 45.000.000 đồng/người và buộc nộp vào ngân sách Nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định số 88/NĐ-CP, ngày 14/11/2019 của Chính phủ và Nghị định số 143/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng nên HĐXX không xét.

Đối với những trường hợp như: **Vi Văn T14**, **Nông Thị L3**, **Triệu Thị D4**, **Nguyễn Thị Thu H11**, Cơ quan điều tra đã đề nghị các ngân hàng kiểm tra, rà soát trên hệ thống nhưng đến nay không có dữ liệu về thông tin tài khoản của những người nêu trên hoặc có dữ liệu về thông tin tài khoản nhưng cả hai bên là bị cáo **N** và chủ tài khoản khai nhận đều không quen biết nhau, không được cho **N** mượn tài khoản. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý những trường hợp này theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng **Vũ Bích N7**, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh **N7** có đăng ký thường trú tại **phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng** nhưng đã chuyển đi nơi khác từ lâu, không rõ địa chỉ nơi ở hiện nay của **N7** ở đâu; các đối tượng có tên tài khoản Telegram gồm: “copa”, “VND Payment CS6”, “Ray^{co}Pay”, “TIM^{co}Pay”, “Salem^{co}Pay”, “Ryder” đều không xác định được là ai, địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh. Mặt khác, đến nay Cơ quan điều tra chưa nhận được trả lời ủy thác điều tra của **Công an quận T**, thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh **Hồ Thị Kim H12**, địa chỉ 31, **P, Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh** là người nhận bộ máy tính do bị can **N** gửi đến theo yêu cầu của các đối tượng nước ngoài. Do vậy, Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định

của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Văn N** phạm tội “*Thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*”.

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn N** 30 (*ba mươi*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (*sáu mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/3/2024).

Giao bị cáo **Hoàng Văn N** cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát giáo dục, trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo **Hoàng Văn N** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 291, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền đối với bị cáo 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về khoản tiền bảo đảm: Căn cứ khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018 quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền đã đặt để đảm bảo.

Xử: Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm số 03/QĐ-VKSCB-P1 ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Trả cho bà **Hoàng Thị H**, trú tại **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng** 100.000.000đ,00 (*một trăm triệu đồng*).

Số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại **K2 chi nhánh tỉnh C** theo Ủy nhiệm chi ngày 18/12/2023, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- **Về số tiền tạm giữ:** Xử trả cho bị cáo số tiền **Ngân hàng N10:** 123.785.000,đ (*Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng*), tiền vật chứng

trong vụ **Hoàng Văn N** - Phạm tội: Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. Trong đó, gồm:

+ Số tiền: 3.176.000,đ (Ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) thu giữ của **Hoàng Văn N**;

+ Số tiền: 15.560.000,đ (Mười lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ của **Hoàng Thị H**;

+ Số tiền: 105.049.000,đ (Một trăm linh năm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) thu giữ trong két sắt tại phòng ngủ của **Hoàng Văn N** và **Hoàng Thị H**.

Số tiền 123.785.000,đ đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại **K2 Chi nhánh tỉnh C** theo Giấy nộp tiền ngày 13/12/2023 nhưng cần tạm giữ khoản tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản thu lợi bất chính đối với bị cáo **Hoàng Văn N**: 508.178.616 đồng.

Xác nhận bà **Hoàng Thị H** (vợ bị cáo) đã nộp số tiền 30.000.000 đồng theo Biên lai số 0002024 ngày 21/9/2023 vào tài khoản tạm giữ của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- Huỷ bỏ Lệnh phong tỏa, tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền còn lại trong 12 tài khoản ngân hàng. Sau đó yêu cầu các Ngân hàng thực hiện việc khoá các tài khoản. Danh sách các ngân hàng và các số tài khoản cụ thể như sau:

* **Ngân hàng TMCP Đ1 (B3) chi nhánh C**:

+ Tài khoản 33010000775701 mang tên **Trịnh Văn C** số dư 545.343.285đ (Năm trăm bốn mươi năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi năm đồng).

+ Tài khoản 33010000663471 mang tên **Hoàng Thị X** số dư 10.372.719đ (Mười triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng)

+ Tài khoản 33010000776209 mang tên **Bé Thị B1** số dư 71.570.551đ (Bảy mươi một triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi một đồng)

+ Tài khoản 33010000778302 mang tên **Lương Văn H8** số dư 343.092.241đ (Ba trăm bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi một đồng)

* **Ngân hàng TMCP Q2 (M4) chi nhánh T16**

+ Tài khoản 0837998207 mang tên **Hoàng Thị Á** số dư 100.009.646đ (Một trăm triệu không trăm linh chín nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

+ Tài khoản 0080319846666 mang tên **Hoàng Quang H1** số dư 1.394.127 đ (Một triệu ba trăm chín mươi tư nghìn một trăm hai mươi bảy đồng).

* **Ngân hàng V7 (V10) chi nhánh T16**

+ Tài khoản 0867783033 mang tên **Hoàng Văn Đ** số dư 1.143.531.329đ (Một tỷ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

* **Ngân hàng TMCP N9 (V11) chi nhánh T16:**

+ Tài khoản 1031177937 mang tên **Lương Thị H2** số dư 1.980.892đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

+ Tài khoản 1031868134 mang tên **Nông Thị Minh T8** số dư 49.798.929đ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

+ Tài khoản 9876539492 mang tên **Nguyễn Minh V3** số dư 15.545.057đ (mười năm triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn không trăm năm mươi bảy đồng).

* **Ngân hàng TMCP C6 (V9) chi nhánh C:**

+ Tài khoản 107877024723 mang tên **Đào Thị Duyên** số dư 2.099.754đ (Hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng).

+ Tài khoản 109875934945 mang tên **Hoàng Văn Đ** số dư 72.614.270đ (Bảy mươi hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo số tài sản:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu REDMI được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 01), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C.**

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VSMART được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 02), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C.**

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu REDMI được niêm phong trong phong bì theo quy định (ký hiệu số 03), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C.**

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 04), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu REDMI được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 05), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 06), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 07), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu ITTEL được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 08), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu REDMI được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 13), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu REDMI được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 14), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu REDMI được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 15), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 16), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 17), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 18), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) điện thoại OPPO gắn 01 sim số 0824.600.886, mở khóa bằng vân tay (ngón tay phải), được niêm phong trong phong bì theo quy định, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) máy vi tính gồm: 01 (một) màn hình, 01 (một) cây máy tính, 01 (một) chuột máy tính, 01 (một) bàn phím và các dây nguồn, dây tín hiệu; 01 (một) modem wifi kèm dây nguồn, được niêm phong trong 01 (một) thùng cát tông, mặt trên ghi “chữ GOLD LION, các mặt xung quanh thùng có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.”

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG được niêm phong trong phong bì theo quy định, (ký hiệu số 09), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) modem, router của **V12** nhãn hiệu Igate FW040; MAC: A065182972D7 kèm 01 bộ nguồn; 01 (một) Switch nhãn hiệu TP-Link TL-SF1008D kèm dây nguồn; 01 (một) đoạn dây mạng LAN dài khoảng 05m; 01 (một) cây máy tính nhãn hiệu Kenoo có đầy đủ linh kiện bên trong kèm dây nguồn; 01 (một) màn hình nhãn hiệu HK Vision, **modem D5**; SN: 30071094919 kèm dây nguồn; 01 (một) bàn phím máy vi tính nhãn hiệu Dareu, S/N: LK185BSEA220502815; 01 (một) chuột máy tính nhãn hiệu Rareu, S/N: LM106BBG220304729; 01 (một) dây tín hiệu VGA kết nối giữa cây và màn hình máy tính, được niêm phong trong 01 (một) thùng xốp, mặt trên ghi 01 (một) thùng xốp ký hiệu số 11, các mặt xung quanh thùng có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) đầu thu camera và dây nguồn (theo biên bản khám xét ngày 12/5/2023) được niêm phong trong thùng cát tông, các mặt xung quanh thùng có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Hoàng Thị H sinh năm 1989, địa chỉ: **Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng** số tài sản gồm:**

+ 01 (một) điện thoại IPHONE 12 PRO MAX được niêm phong trong phong bì theo quy định, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 01 (một) Balo da màu đen; 01 (một) ví da màu đen nhãn hiệu Versace; 01 (một) hộ chiếu số C8580267 của Hoàng Thị H; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số DT2040420435852 mang tên Hoàng Thị H; 01 (một) ví da màu đen bên trong có: 01 CMND số 080543454 mang tên Hoàng Thị H; 01 thẻ ATM của ngân hàng B3 mang tên “HOANG THI HAO” SỐ THẺ 9704180038752820; 01 (một) túi xách da màu đen; 01 (một) túi xách màu vàng nhãn hiệu PARFOIS” được niêm phong trong 01 thùng cac-tông ký hiệu số 10.

+ 04 thẻ tiết kiệm có thời hạn mang tên Hoàng Thị H được niêm phong trong phong bì (ký hiệu số 23), mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ “01 (Một) thẻ giấy của ngân hàng H14 ghi thông tin “Tên TK: Hoang Van Nghia, số hiệu tk 341704070000309”; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng S1 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số TK 0815161352; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng V5 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 9704368677831503866; 01 (một) thẻ Visa Debit của ngân hàng V5 mang tên “HOANG VAN NGHĨA”, số thẻ 4524041806616945; 01 (một) thẻ Visa Debit của ngân hàng A mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số TK 29533667; 01 (một) thẻ Visa Debit của ngân hàng S1 mang tên “HOANG VAN NGUYEN”, số TK 030088330771; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A1 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 9704050979400327; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B3 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 9704180070423249; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng T15 mang tên “HOANG THI ANH”, số thẻ 9704079951220072; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng T15 mang tên “HOANG THI ANH”, số thẻ 4221498607073062; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V13 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 9704150122612271; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng H14 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 9704371519117951; 01 (một) thẻ ATM của U mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 5555123069801023; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng T15 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 4221508669986132; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng T15 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 4220768800821777; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng L4 mang tên “HOANG VAN NGHIA”, số thẻ 9704490430657133; 01 (một) vỏ sim điện thoại bên trên có ghi “quyên MB 0837.596.278”; 01 (một) kit sim điện thoại bên trên có ghi “hiền VPB 0814.648.984”; 01 (một) kit sim điện thoại bên trên

có ghi “linh MB 0813.663.855””, được niêm phong trong 01 thùng cac-tông ký hiệu số 10.

+ 01 (một) sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có của **ngân hàng TMCP Q2** mang tên “DINH THI HONG” có số tài khoản 0818530853, từ ngày 01/02/2023 đến ngày 21/02/2023 (cụ thể 49 tờ A4); 01 (một) tập giấy liệt kê giao dịch tài khoản của số tài khoản 19038702977019, từ ngày 28/3/2023 đến ngày 29/3/2023 (cụ thể 07 tờ A4); 01 (một) sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có của **ngân hàng TMCP K1**, mang tên “HOANG THI ANH”, số tài khoản 19038702977019 (cụ thể 09 tờ A4); 01 (một) tập sao kê tài khoản của **ngân hàng V5** mang tên “DINH THI HONG”, số tài khoản 1032147131 (cụ thể 16 trang A4); 01 (một) thư xác nhận về việc mở tài khoản thanh toán mang tên “HOANG THI BIEN”; 01 (một) phong bì của **ngân hàng TMCP Q2** bên trong có 01 thẻ ACTIVE mang tên “TRUONG THI HIEN”; 01 (một) phong bì của **ngân hàng TMCP Q2** bên trong có 01 thẻ ACTIVE mang tên “HOANG THI ANH”; 01 (một) Phong bì của **ngân hàng TMCP Q2** bên trong có 01 thẻ Visa DEBIT mang tên “HOANG VAN TRONG”; 01 (một) phong bì của **ngân hàng TMCP Q2** bên trong có 01 thẻ Visa DEBIT mang tên “HOANG VAN DAN”, được niêm phong trong túi theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) túi niêm phong số 12, các mặt xung quanh thùng có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.”

+ 123 (một trăm hai mươi ba) thẻ sim các loại đựng trong 01 (một) hộp nhựa niêm phong theo quy định, mặt trên ghi 01 (hộp) nhựa số 20, mặt xung quanh có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

+ 62 (sáu mươi hai) thẻ ngân hàng; 01 (một) thẻ ATM **ngân hàng A1** của HOANG THI HAO số thẻ 9704050732395426; 01 (một) thẻ ATM **ngân hàng B3** của HOANG VAN NGHIA số thẻ 6688990018693778; 01 (một) thẻ ATM **ngân hàng B3** của HOANG VAN NGHIA số thẻ 6688990017616143”, đựng trong 01 (hộp) nhựa niêm phong theo quy định, mặt trên ghi “01 (hộp) nhựa số 21, mặt xung quanh có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.”

+ 01 (một) thẻ **ngân hàng B3**, số thẻ 9704186930002177329, ghi chữ “NGUYEN MINH VIET”.

+ 01 (một) thẻ **ngân hàng T15**, số thẻ 9704079938826215, ghi chữ “NGUYEN MINH VIET”.

+ 01 (một) phong bì của **ngân hàng T15**, bên trong có: 01 thư chào mừng.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân

sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 47 ngày 15/12/2023.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Hoàng Văn N** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo **Hoàng Văn N** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Phòng PC 02 - CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PC06);
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thu Giang

